

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: /YTTT-...../2...
Gói thầu: “.....”

Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Bộ Luật Dân sự 2015;
- Luật Thương mại 2005;
- Luật Đấu thầu 2013;
- Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm của về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu
- Quyết định số

Hôm nay, ngày / /20..... tại, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: Công ty
- Địa chỉ trụ sở chính: sốphố, quận, T.P.
- Đại diện là:- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: (84); Fax: (84)
- Số tài khoản: – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: Công ty
- Địa chỉ trụ sở chính: sốphố, quận, T.P.
- Đại diện là:- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: (84); Fax: (84)
- Số tài khoản: – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính.
- Mã số thuế:

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ mời thầu gói thầu “Mua sắm” với những điều kiện, điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác tư vấn lập hồ sơ mời thầu bằng tiếng Việt hồ sơ dự thầu gói thầu “Mua sắm” thuộc dự án “

Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các nội dung liên quan khác đến công việc do Bên B thực hiện phải đảm bảo phù hợp với dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán của dự án đã được phê duyệt, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật đấu thầu và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 2: Chất lượng sản phẩm tư vấn và các yêu cầu khác

Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phải đảm bảo phù hợp với Dự án đầu tư, và Tổng dự toán đã được phê duyệt và tuân thủ các quy định có liên quan của Luật đấu thầu, các quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3: Thời gian, tiến độ thực hiện

3.1. Thời gian thực hiện:

- Lập hồ sơ mời thầu: Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận đầy đủ các hồ sơ tài liệu do Bên A cung cấp, Bên B sẽ hoàn thành dự thảo Hồ sơ mời thầu. Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận được ý kiến chính thức của Bên A về bản dự thảo Hồ sơ mời thầu, Bên B sẽ hoàn thành bản Hồ sơ mời thầu cuối cùng (Thời gian trên chưa bao gồm thời gian bổ sung, chỉnh sửa theo yêu cầu công việc, nếu có).

3.2. Hồ sơ tài liệu giao cho Bên A:

Hồ sơ mời thầu: 03 bộ và 03 đĩa chứa các file, bảng biểu liên quan.

Điều 4: Giá của hợp đồng

- Giá của hợp đồng đã có thuế VAT là:000.000 đồng
- (Số tiền bằng chữ: Mười triệu đồng)

Điều 5: Thanh toán hợp đồng

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B thành hai đợt như sau:

- Bên A thanh toán cho Bên B 6.500.000 VNĐ(sáu triệu năm trăm nghìn đồng) trong vòng 1

ngày sau khi ký kết Hợp đồng.

- Bên A thanh toán cho Bên B 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) sau khi phê duyệt kết quả HSMT.

Trong trường hợp kết quả đấu thầu bị hủy bỏ không do lỗi của Bên B, Bên A sẽ phải trả các chi phí cho phần công việc mà Bên B đã thực hiện.

Điều 6: Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của Bên A:

1. Bên A nhận cung cấp cho bên B các tài liệu:

- Cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho Bên B làm căn cứ.
- Dự án đầu tư, Thiết kế kỹ thuật – tổng dự toán của dự án được phê duyệt
- Các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu riêng khác (nếu có).
- Cung cấp cho Bên B các hồ sơ dự thầu của các nhà thầu. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu và thông tin được Bên A chuẩn bị, phê chuẩn và cung cấp cho Bên B theo hợp đồng này.

2. Khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Bên B về việc làm rõ hồ sơ dự thầu của các nhà thầu, Bên A chịu trách nhiệm xem xét và yêu cầu nhà thầu liên quan làm rõ các vấn đề được Bên B yêu cầu trong thời hạn phù hợp với tiến độ phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và cung cấp văn bản trả lời cho Bên B.

3. Thanh toán kinh phí trên cơ sở hợp đồng tư vấn giữa Bên A và Bên B theo quy định hiện hành.

6.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Cử các chuyên gia đủ các tiêu chuẩn về năng lực, kinh nghiệm cần thiết chịu trách nhiệm thực hiện các công việc như được nêu ở Điều 1 và các điều khoản khác được quy định tại hợp đồng này.

- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ theo hợp đồng.

- Tham gia, phối hợp giải trình, bổ sung, làm rõ các nội dung thuộc phần việc Bên B đã thực hiện trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khi xem xét, thẩm định, đánh giá, phê duyệt hồ sơ mời thầu và báo cáo kết quả đấu thầu.

- Chịu trách nhiệm trước Bên A và trước pháp luật về tính chính xác, công bằng và khách quan trong việc lập hồ sơ mời thầu và báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

Điều 7: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

-Trong trường hợp xảy ra tranh chấp thuộc về hợp đồng này, các bên phải có trách nhiệm giải quyết trên cơ sở thương lượng, hai bên cùng có lợi.

-Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án Kinh tế Hà Nội phân xử. Phán quyết của Toà án Kinh tế có hiệu lực buộc các bên phải thi hành.

Điều 8: Bất khả kháng

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam...

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

8.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

Điều 9: Vi phạm hợp đồng

9.1. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm đối với hành vi vi phạm: Bên vi phạm hợp đồng được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Xảy ra sự kiện bất khả kháng như quy định tại Điều 8 của hợp đồng;

b) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;

c) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.

9.2. Phạt vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng: Trong trường hợp Bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 3(trừ trường hợp quy định tại Khoản 9.1), Bên B sẽ phải chịu phạt chậm tiến độ tương đương 2% trị giá hợp đồng cho mỗi tuần chậm nhưng tổng mức phạt vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng không quá 8% trị giá hợp đồng.

9.3. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán phí tư vấn theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Điều 10: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng

10.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng bao gồm:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

10.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;
- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ hợp đồng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;
- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền mà các bên đã nhận của nhau;

Điều 11: Điều khoản chung

11.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

11.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3. Hợp đồng làm thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 2 bản, Bên B giữ 1 bản;

11.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

